TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2018/DS– PT
Ngày 12– 01– 2018
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình – Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLPT – DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS – ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 162/2017/QĐPT– DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Phan Văn A, sinh năm 1949 (Có mặt).

1.2. Bà Võ Thị C, sinh năm 1949.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (bà C): Ông Phan Văn A là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 23/8/2016 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp Tân Hòa C, xã Tân A, thị xã TC, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Lương Kim N, sinh năm 1961 (Có mặt).

2.2. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1960.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (ông K): Bà Lương Kim N là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 10/10/2016 (Có mặt).

Nơi cư trú: khóm Long T, phường Long C, thị xã TC, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lôi Văn Đ là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hùng Đ thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Nguyễn Phú C1, sinh năm 1966 (Có mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã Tân A, thị xã TC, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Lê Văn S, sinh năm 1936 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp Tân Hòa C,xã Tân A, thị xã TC, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1975 (Có mặt).

Nơi cư trú: đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp Tân Hậu B2, xã Tân A, thị xã TC, tỉnh An Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Phan Văn A và bà Võ Thị C (bà C ủy quyền cho ông A) trình bày:

Ngày 09/9/2012 ông Phan Văn A đến nhà ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N (là em kết nghĩa với ông A) để nhờ hướng dẫn thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Tân Châu với số tiền 160.000.000đ, khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.802m^2. Biết được việc này nên ông K và bà N có nhờ ông A vay tăng thêm số tiền vốn để cho ông, bà mượn 90.000.000đ trả nợ đáo hạn cho Ngân hàng Phương Đông, hẹn thời gian 30 ngày trả lại và chịu tiền lãi cho ông A như mức lãi suất mà ông A đã vay của Ngân hàng. Sau khi đã thỏa thuận với ông A thì bà N có gọi cho ông Nguyễn Phú C1 đến nhà bà N để nhờ ông C1 mượn số tiền 100.000.000đ để cho ông A mượn trả nợ đáo hạn ngân hàng mà không phải tính lãi và hướng dẫn ông A làm thủ tục vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Tân Châu số tiền 250.000.000đ với mức lãi suất 15%/năm (theo hợp đồng tín dụng số 6705-LAV-201205633) ông A đã nhận tiền vay vào ngày 18/9/2012 rồi mang đến nhà ông K, bà N trong ngày. Tại đây, ông đã trả cho ông C1 100.000.000đ tiền vốn mà ông đã vay để trả nợ đáo hạn Ngân hàng, cho ông Lê Văn S vay 30.000.000đ, đưa cho ông K, bà N vay 90.000.000đ, còn lại 30.000.000đ ông mang về nhà. Khi ông A giao 90.000.000đ cho ông K, bà N không làm giấy tờ nhưng có 03 người làm chứng là ông Nguyễn Phú C1, ông Lê Văn S và bà Nguyễn Thị Ngọc P cùng có mặt tại nhà bà N trực tiếp chứng kiến biết rõ sự việc.

Sau khi mượn số tiền 90.000.000đ thì không biết ông K, bà N có trả nợ đáo hạn Ngân hàng Phương Đông hay không nhưng có trả tiền lãi cho ông, bà được 2.000.000đ vào tháng 12/2012 thì ngưng và không chịu hoàn lại vốn, mặc dù ông A đã có yêu cầu ông K, bà N trả lại tiền nhiều lần và ông A có ghi âm được tiếng nói bà N khi ông dùng điện thoại di động của mình điện gọi cho bà N để đòi nợ. Ông A không yêu cầu trưng cầu giám định tiếng nói của bà N. Ông

yêu cầu Tòa án căn cứ vào lời khai của những người làm chứng nêu trên để buộc ông K và bà N phải trả cho ông bà số tiền 90.000.000đ và xin rút yêu cầu đòi bị đơn phải trả lãi số tiền 42.337.500đ.

* Tại Bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là bà Lương Kim N và ông Nguyễn Hữu K (ông K ủy quyền cho bà N) trình bày:

Ông bà không thừa nhận có vay số tiền 90.000.000đ của ông A, bà C và cũng không trả số tiền 2.000.000đ như ông A, bà C trình bày trên. Còn đối với những người làm chứng do ông A đưa ra ông, bà cho rằng việc làm chứng này là không khách quan, vì ông C1 và bà P đều là người thiếu nợ ông A đến nay chưa trả và việc họ đứng ra làm chứng là để được ông A cho tiền. Bà N thừa nhận trước đây vào năm 2011 bà có đăng ký kinh doanh hành nghề dịch vụ cầm đồ "Hồng N", cho vay đáo hạn ngân hàng, môi giới và mua bán bất động sản, khi đó ông A có đến nhà gặp bà để nhờ bà mượn tiền cho ông A và làm thủ tục đáo hạn ngân hàng nhưng sau khi xem lại hồ sơ, bà không nhận hồ sơ của ông A và bà có điện thoại kêu ông Nguyễn Phú C1 nhận làm hồ sơ của ông A để vay tiền nên ông C1 có nhận hồ sơ của ông A làm và mượn nhà bà để giao dịch, từ đó đến nay bà không biết gì hết. Ngoài ra, bà N cũng thừa nhận trước đây vợ chồng bà và ông K có vay tiền tại Ngân hàng TMCP Phương Đông- Phòng giao dịch Tân Châu nhưng đã bán tài sản của mình trả nợ xong cho ngân hàng chứ không vay số tiền 90.000.000đ để trả nợ đáo hạn ngân hàng như ông A trình bày trên. Do đó, bà N và ông K không đồng ý trả nợ vay theo yêu cầu khởi kiện của ông A và bà C.

* Người làm chứng:

Ông Nguyễn Phú C1 trình bày: Ông quen biết với ông A thông qua bà N giới thiệu vay tiền để đáo nợ ngân hàng, giữa ông với ông A và bà N, ông K không có quan hệ bà con và không mâu thuẫn với nhau. Ngày 18/9/2012 ông A nhận tiền vay tại Ngân hàng xong thì đến nhà bà N đưa cho bà N vay số tiền 90.000.000đ, lúc đưa tiền có mặt ông, ông S, bà P chứng kiến nhưng do thời gian quá lâu nên ông không nhớ mệnh giá tiền loại nào. Sau đó, ông K từ trong nhà đi ra lấy bọc tiền rồi nói tiền trong nhà ông là của ông. Ông cam đoan lời khai của ông hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông K, bà N nếu lời khai của ông không đúng sự thật.

Ông Lê Văn S trình bày: Ông có quen biết với ông A, giữa ông với ông A và bà N, ông K không có quan hệ bà con và không mâu thuẫn với nhau. Ông biết được ông A có ý định vay tiền Ngân hàng nên ông có nhờ ông A vay tiền dùm. Ngày 18/9/2012 ông A nhận tiền vay tại Ngân hàng xong đến nhà bà N đưa cho bà N vay số tiền 90.000.000đ và đưa cho ông vay số tiền 30.000.000đ nhưng không ai làm giấy tờ cho ông A vì đều là chổ thâm tình. Khi ông A đưa

tiền cho bà N có mặt ông, ông C1, bà P chứng kiến. Ông cam đoan lời khai của ông hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông K, bà N nếu lời khai của ông không đúng sự thật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc P trình bày: Bà và bà N trước đây rất thân thiết với nhau, còn ông A thì bà chỉ biết thông qua bà N. Giữa bà với ông A và bà N, ông K không quan hệ bà con thân thích và không mâu thuẫn với nhau. Ngày 18/9/2012 ông A nhận tiền tại Ngân hàng xong, bà đưa bà C (vợ ông A) về nhà và quay lại nhà bà N thì thấy ông A đưa cho bà N vay số tiền 90.000.000đ, khi đưa tiền có mặt bà, ông C1, ông S chứng kiến. Lúc này bà N đòi viết giấy nhận nợ cho ông A nhưng ông A nói "thôi khỏi tôi nghĩ cô N như em gái, chỉ cần uy tín là được rồi", thấy vậy bà mới lôi ông K trong nhà ra để ông K biết việc ông A cho vợ chồng ông K mượn 90.000.000đ và chính tay ông K lấy bọc tiền cất rồi nói số tiền này tôi nhận sau này tôi trả. Bà cam đoan lời khai của bà hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông K, bà N nếu lời khai của ông không đúng sự thật.

Tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

- Chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn A và bà Võ Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N phải trả tiền lãi ghi trong đơn khởi kiện là 42.337.500đ.

- Buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N phải có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn A và bà Võ Thị C số tiền 90.000.000đ.

Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Kim và bà Lương Kim N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000đ.

Hoàn trả lại cho ông Phan Văn A và bà Võ Thị C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.125.000đ theo biên lai thu số 0008180 ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, ông K và bà N có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 61/2017/DSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời triệu tập 03 người làm chứng ra Tòa phúc thẩm.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

* Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bị đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không đủ cơ sở để buộc ông K và bà N trả cho ông A, bà C số tiền 90.000.000đ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K và bà N, bác yêu cầu khởi kiện của ông A, bà C.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N, đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị C ủy quyền cho ông Phan Văn A theo Giấy ủy quyền ngày 23/8/2016 và ông Nguyễn Hữu K ủy quyền cho bà Lương Kim N theo Giấy ủy quyền ngày 10/10/2016. Sự ủy quyền của các đương sự phù hợp với Điều 138 và Điều 140 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông K và bà N theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông K và bà N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS - ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, ông A và bà C vay của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Tân Châu số tiền 250.000.000đ vào ngày 18/9/2012. Sau khi nhận tiền, ông A đến nhà ông K, bà N và giao cho ông K, bà N vay lại số tiền 90.000.000đ nhưng không làm giấy tờ, tuy nhiên có người làm chứng là ông Nguyễn Phú C1, ông Lê Văn S, bà Nguyễn Thị Ngọc P chứng kiến việc ông A giao tiền cho bà N, ông K và những người làm chứng đồng ý đứng ra làm chứng cho ông A. Ông K và bà N không thừa nhận có vay và còn nợ của ông A, bà C số tiền 90.000.000đ. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm chứng gồm ông C1, ông S và bà P cho biết các ông bà không có quan hệ bà con với ông A, bà C và ông K, bà N mà là người quen biết với nhau, từ trước đến nay không mâu thuẫn gì với ông A, bà C và ông K, bà N. Khi ông A giao cho ông K, bà N số tiền 90.000.000đ tại nhà ông K, bà N có mặt các ông bà chứng kiến. Tại đoạn băng ghi âm do ông A và bà N trao đổi với nhau mà ông A cung cấp được Hội đồng xét xử mở tại phiên tòa phúc thẩm cho mọi người cùng nghe bà N thừa nhận có thiếu nợ ông A và hứa sẽ chuộc sổ đỏ lại cho ông A, bà N thừa nhận giọng nói trong đoạn băng là của bà. Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông K và

bà N không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, án sơ thẩm buộc ông K và bà N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A và bà C số tiền 90.000.000đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông K, bà N và ý kiến của Luật sư bảo vệ cho ông K và bà N. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo nên được giữ nguyên.

[3] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông K và bà N không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận nên ông K và bà N phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/012345 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 61/2017/DS-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn A và bà Võ Thị C số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng).

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn A và bà Võ Thị C không yêu cầu ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N phải trả lãi số tiền 42.337.500đ.

5. Về án phí:

5.1.Ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/012345 ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

5.2. Ông Nguyễn Hữu K và bà Lương Kim N phải nộp 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.3. Ông Phan Văn A được nhận lại số tiền 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: TU/2015/số 0008180 ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND TX TC;
- THA TX TC;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa dân Sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thị Thúy Hà